TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

BẢNG ĐIỂM HỌC TẬP LỚP K9 - XH

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

MÔN HỌC: QUẢN TRỊ CÔNG TÁC XÃ HỘI

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60%	TB môn (TĐ 10)	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
1	202003003	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	16/09/2002	10.0	9.0	6.5	7.6	**B**	
2	202003004	PHẠM PHƯƠNG	ANH	04/11/2002	10.0	8.5	6.0	7.2	**B**	
3	202003005	TRẦN BẾ QUỲNH	ANH	16/12/2002	8.0	8.5	6.0	7.0	**B**	
4	202003006	ĐỖ NGỌC	ÁNH	06/04/2002	8.0	8.3	6.0	6.9	**C+**	
5	202003009	NGUYỄN HÀ	DUNG	13/05/2002	10.0	8.5	5.0	6.6	**C+**	
6	202003013	NGUYỄN THU	HÀ	08/08/2002	10.0	8.4	6.0	7.1	**B**	
7	202003014	VŨ THỊ THU	HÀ	17/10/2002	8.0	9.0	7.0	7.7	**B**	
8	202003015	PHÙNG THỊ	HẠ	09/12/2002	10.0	8.5	7.0	7.8	**B**	
9	202003016	NGUYỄN THỊ THANH	HẢI	26/03/2002	10.0	9.0	7.5	8.2	**B+**	
10	202003017	NGUYỄN KIM	HẰNG	09/08/2002	10.0	9.5	6.5	7.8	**B**	
11	202003018	NGUYỄN THỊ MAI	HẰNG	20/05/2002	7.0	8.8	6.0	6.9	**C+**	
12	202003021	LƯỜNG THANH	HOÀNG	08/03/2001	10.0	8.5	6.0	7.2	**B**	
13	202003022	NGUYỄN THỊ	HUỆ	02/09/2002	9.0	8.9	6.0	7.2	**B**	
14	202003025	PHẠM KHÁNH	HUYỀN	01/12/2002	8.0	8.3	5.0	6.3	**C**	
15	202003026	NGÔN THỊ	KIỀU	22/06/2002	7.0	8.6	6.0	6.9	**C+**	
16	202003027	NGUYỄN ĐỨC	LÂM	01/05/2002	10.0	8.5	4.0	6.0	**C**	
17	202003028	HOÀNG THỊ	LANH	22/12/2002	10.0	8.9	6.5	7.6	**B**	
18	202003029	BÙI THỊ PHƯƠNG	LINH	13/09/2002	8.0	8.8	7.5	7.9	**B**	
19	202003031	LƯỜNG MỸ	LINH	12/01/2001	7.0	8.5	8.5	8.4	**B+**	
20	202003032	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	03/02/2002	10.0	8.7	6.5	7.5	**B**	
21	202003033	NGUYỄN TÚ	LINH	08/06/2002	8.0	8.8	6.0	7.0	**B**	
22	202003034	NÔNG THỊ QUỲNH	LINH	04/05/2002	7.0	8.4	5.5	6.5	**C+**	
23	202003035	PHẠM BÍCH	LOAN	23/03/2002	9.0	8.5	6.5	7.4	**B**	
24	202003036	CHẨU THỊ	MỦA	04/10/2002	10.0	8.8	7.5	8.1	**B+**	
25	202003038	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	18/05/2002	10.0	8.6	5.0	6.6	**C+**	
26	202003039	HÀ THỊ TỐ	NHƯ	04/03/2002	9.0	8.8	7.5	8.0	**B+**	

STT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Điểm quá trình		Điểm thi hết môn 60%	TB môn (TĐ 10)	TB môn (TĐ chữ)	Ghi chú
					Chuyên cần 10%	KT trong kỳ 30%				
27	202003040	PHẠM YẾN	NHƯ	22/05/2002	10.0	8.5	7.5	8.1	**B+**	
28	202003043	ĐỖ THẢO	PHƯƠNG	29/04/2002	10.0	8.9	0.0	3.7	**F**	
29	202003045	HÀ THỊ	QUÝ	10/11/2002	10.0	8.5	7.5	8.1	**B+**	
30	202003048	VŨ THỊ	QUỲNH	06/11/2002	10.0	8.6	6.5	7.5	**B**	
31	202003049	HOÀNG KHÁNH	SƠN	02/02/2001	8.0	8.0	6.0	6.8	**C+**	
32	202003051	NGÔ NGỌC	THÀNH	30/09/2002	9.0	8.5	8.0	8.3	**B+**	
33	202003053	THẮM THỊ HỒNG	THI	22/06/2002	8.0	8.7	5.5	6.7	**C+**	
34	202003054	QUÀNG VĂN	THỊ	02/02/2002	10.0	8.5	6.5	7.5	**B**	
35	202003055	QUÀNG THỊ	THƠM	28/09/2002	10.0	8.8	6.5	7.5	**B**	
36	202003056	LÊ THỊ MINH	THƯ	21/11/2002	7.0	8.3	3.0	5.0	**D+**	
37	202003057	NGUYỄN THỊ HỒNG	TIẾN	08/08/2002	10.0	9.0	7.5	8.2	**B+**	
38	202003058	TRẦN VĂN	TRỌNG	06/03/1997	8.0	8.8	5.0	6.4	**C**	
39	202003059	PHAN VĂN	TRƯỜNG	06/08/2002	7.0	8.4	8.5	8.3	**B+**	
40	202003060	VƯƠNG THỊ THANH	TÙNG	29/11/2002	10.0	8.9	8.0	8.5	**A+**	
41	202003061	LÊ THỊ TỐ	UYÊN	25/10/2002	8.0	8.8	8.0	8.2	**B+**	
42	2019030021	LƯƠNG GIANG	LINH	15/06/2001	9.0	8.8	6.5	7.4	**B**	

GIẢNG VIÊN